TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST Ngày 19/7/2024 V/v Ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Chấn;

- Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lưu Thị Trưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà***: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2024 về việc: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị S, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Phan Thị S trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đức K về chung sống với nhau năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã C, huyện L. Nhưng do lâu ngày, nên đăng ký kết hôn bị thất lạc. Sau khi cưới chị và anh K về ở với nhau ngay, thời gian đầu hai người sống hạnh phúc và đã có 2 con chung là:

- Nguyễn Đức Q, sinh năm 1996;
- Nguyễn Đức M, sinh năm 2000.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do: Anh K nghi ngờ chị có quan hệ với người khác, nên ghen tuông, đã nhiều lần chị bị anh K đánh đập, con cái và gia đình hai bên đã can ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Đến tháng 12/2023 thì chị không chịu được nữa và quyết định sống ly thân, chị thấy không còn tình cảm với anh K nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh K có 2 con chung như trình bày ở trên. Các con chị đã trưởng thành, có thể tự lo được cuộc sống, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Để chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Đức K trình bày: Anh và chị S về chung sống với nhau năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L. Nhưng do lâu ngày, nên đăng ký kết hôn bị thất lạc, UBND xã không cấp cho anh trích lục kết hôn, nên anh không cung cấp cho Tòa án được.

Sau khi cưới, anh và chị S về chung sống với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian dài.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do chị S đi làm Công ty, có quan hệ với người đàn ông khác, đã bỏ nhà đi nhiều ngày không về, anh đã khuyên bảo chị S nhiều lần, nhưng chị S không nghe, anh cũng đã đánh chị S vài lần; anh và chị S thường xuyên cãi nhau, hai bên gia đình đã hòa giải, nhưng không thành. Anh và chị S chấm dứt quan hệ từ tháng 3/2024; chị S xin ly hôn, anh thấy vẫn còn tình cảm với chị S, nên không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị S có 2 con chung như chị S trình bày là đúng. Các con anh đã trưởng thành, có thể tự lo được cuộc sống, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Để anh và chị S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn chị Phan Thị S trình bày: Năm 1995 chị và anh K có ra UBND xã C làm thủ tục đăng ký kết hôn. Chị và anh K đợi rất lâu và có một cán bộ ra hỏi chị làm gì, hỏi tên tuổi, địa chỉ và nói Ủy ban hôm nay bận, sau đó cho chị ra về; chị và anh K không phải ký vào giấy tờ gì. Chị nghĩ cán bộ Ủy ban sẽ làm thủ tục đăng ký kết hôn hộ chị, như vậy là xong. Từ trước đến nay chị chưa nhận được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bao giờ.

Chị xác định không còn tình cảm với anh K nữa nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh K có 2 con chung là: Nguyễn Đức Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Đức M, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống. Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Để chị và anh K tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức K vắng mặt tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Bị đơn từ khi thụ lý vụ án, đến trước thời điểm mở phiên toà không chấp hành các quy định của BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 14 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều: 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 7 và 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị S và anh Nguyễn Đức K là vợ chồng.

- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Phan Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị S đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phan Thị S có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Đức K. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Đức K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị S và anh Nguyễn Đức K về chung sống với nhau từ năm 1995, trên cơ sở tự nguyện.

Theo anh K trình bày thì hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L. Nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Còn theo chị S trình bày: Chị và anh K có ra UBND xã C làm thủ tục đăng ký kết hôn, nhưng hôm đó Ủy ban bận, nên chỉ hỏi chị và anh K họ tên, địa chỉ, sau đó cho về.

UBND xã C không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn năm 1995.

Do đó không có căn cứ xác định chị S và anh K đã đăng ký kết hôn năm 1995. Mà cần xác định chị S và anh K về chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn, nên đây không phải hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình: Theo chị S trình bày là do anh K hay ghen tuông, chị đã nhiều lần bị anh K đánh. Còn theo anh K trình bày: Chị S đi làm Công ty và có quan hệ với người đàn ông khác. Anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị S không nghe, đã có lần anh đánh chị soi.

Xét thấy: Căn cứ vào lời khai của chị S, anh K, biên bản xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án, xác định được chị S và anh K đã xảy ra mâu thuẫn trong gia đình, có lần anh K đã đánh chị S. Hiện tại chị S và anh K đã sống ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị S và anh K1 về đoàn tụ. Tuy nhiên chị S cương quyết xin ly hôn, tại phiên tòa, chị S giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh K và xác định không còn tình cảm với anh K. Như vậy cả chị S và anh K đã vi phạm nghĩa vụ gia đình. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị S và anh K đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung

không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị S và anh K là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị S và anh K có 2 con chung là: Nguyễn Đức Q, sinh năm 1996 và Nguyễn Đức M, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống. Chị S và anh K không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị S là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 9, 14, 51 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phan Thị S và anh Nguyễn Đức K là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Phan Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008138 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị S đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Chu Điện, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh